TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HỆN Đ** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: ông Lại Hùng Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Lê Thị Phụng;
2- Ông Đinh Văn Lộc.
Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Hện Đ.

Trong ngày 16/10/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Hện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Hà Thị V, sinh năm 1987, Nơi ĐKHKTT: thôn Ia B, xã Ia N, Hện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: làng Tung, xã Ia N, Hện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);
- *Bị đơn*: anh Đặng Đình T, sinh năm 1977, địa chỉ: thôn Ia B, xã Ia N, Hện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá T tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Hà Thị V T bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đặng Đình T trải qua một thời gian tìm hiểu và tổ chức đám cưới theo pong tục tạp quán và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008, Vợ chồng thì tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ia N, Hện Đ, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/8/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh T ghen tuông vô cớ, thường gây sự chửi bới chị. Vì không thể sống chung với nhau được nữa nên vợ chồng sống ly thân nhau tháng 12/2017 cho đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đặng Đình T.

- Về con chung: chị và anh T có 03 con chung gồm: Đặng Đình C, sinh ngày 08/4/2009, Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2013, Đặng Đình H, sinh ngày 20/11/2014. Hiện nay, cháu C và cháu H đang sống cùng anh T. Cháu T đang sống cùng với chị.

Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T và cháu H, giao cháu C cho anh T nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu H mức 1.000.000 đồng/con/tháng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Đình T T bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị V tự nguyện tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/8/2010 như chị V T bày.

Năm 2017, anh đi tù 6 tháng thì chị V ngoại tình. Sau khi anh chấp hành xong hình phạt tù trở về nhà thì chị V bỏ nhà đi. Vợ chồng không còn tình cảm, không hạnh phúc. Anh nhất trí ly hôn với chị V.

- Về con chung: anh công nhận vợ chồng có 03 con chung như chị V T bày. Anh đề nghị được nuôi cả 03 con, yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con mức 500.000 đồng/con/tháng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản ghi ý kiến con chung từ 7 tuổi trở lên ngày 03/9/2019, cháu Đặng Đình C có nguyện vọng được sinh sống cùng với anh C.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phải tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Hện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Hà Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Đình T và giải quyết nuôi con chung. Chị V là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị V thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Chị Hà Thị V và anh Đặng Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/8/2010. Hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp. Chị V và anh T đều cho rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V xin ly hôn và anh C cũng nhất trí ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị V được ly hôn với anh T.

[3] Chị V và anh T công nhận có 03 con chung gồm: Đặng Đình C, sinh ngày 08/4/2009, Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2013, Đặng Đình H, sinh ngày 20/11/2014. Hiện cháu C và cháu H đang sống cùng anh T, cháu T đang sống cùng với chị V.

Căn cứ nguyện vọng nuôi con của chị V, anh T, nguyện vọng của con chung từ đủ bảy tuổi trở lên, tiềm lực kinh tế của chị V và anh T, thấy rằng, anh T có nhà ở ổn định, có vườn cà phê, cao su nên có thu nhập ổn định, chị V chưa có nhà ở, phải thuê địa điểm để làm nghề, thu nhập chưa ổn định. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C và cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tmức 1.000.000 đồng/tháng, buộc chị V cấp dưỡng nuôi cháu C và cháu H mức 500.000 đồng/con/tháng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị V và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: cần buộc chị V, anh T chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều **26,** 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa Hà Thị V và anh Đặng Đình T.

2. Về con chung: chị V và anh T có 03 con chung gồm: Đặng Đình C, sinh ngày 08/4/2009, Đặng Thị T, sinh ngày 14/4/2013, Đặng Đình H, sinh ngày 20/11/2014.

Giao cháu T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu C và cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu T mức 1.000.000 đồng/tháng, buộc chị V cấp dưỡng nuôi cháu C và cháu H mức 500.000 đồng/con/tháng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Chị V và ánh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

Chị V và ánh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Hà Thị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn; buộc chị V, anh T mỗi người chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước. Chị V được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002364 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo theo trình tự phúc thẩm quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể tuyên án.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKS;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Ia N;*
- *Chi cục THADS;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hùng Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Hưng **Đinh Văn Lộc** **Lại Hùng Hưng**